TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2023/DS-ST
Ngày: 28/7/2023
"V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Xuân Trường;**

2. Bà **Trần Thị H.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đàm Thị T Duy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 179/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2022 về: *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Phương T**, sinh năm 1978; địa chỉ: tổ dân phố Th, thị trấn N, huyện L, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Phương T: anh **Trương Văn T**, sinh năm 1994; địa chỉ: Số 671 H, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh L; theo giấy ủy quyền lập ngày 28/7/2022.

2. Bị đơn: Vợ chồng ông **Hồ Sỹ H**, sinh năm 1983; bà **Lưu T H**, sinh năm 1988; địa chỉ: tổ dân phố T, thị trấn N, huyện L, tỉnh L.

(Anh T có mặt; vợ chồng ông H, bà H đã được triệu tập đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Phương T và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Trương Văn T thì:

Xuất phát từ việc có mối quan hệ quen biết với nhau nên ngày 04/01/2021, bà Lê Thị Phương T cho ông H, bà H vay số tiền là 160.000.000đ. Khi vay, hai bên có làm hợp đồng vay tiền, thỏa Tận thời hạn vay là 03 tháng, hạn trả nợ là

ngày 04/4/2021. Hai bên có thỏa Tận lãi suất nhưng không ghi vào trong giấy vay tiền. Do tại thời điểm lập giấy vay tiền, bà T mượn của bà Đặng Thị Bạch Tuyết mẫu "Hợp đồng vay tiền" đánh máy sẵn nên trên mẫu hợp đồng này có ghi tên bà Đặng Thị Bạch Tuyết là bên cho vay và các bên có ghi thêm tên bà Lê Thị Phương T. Nhưng thực tế chỉ có bà T cho vay tiền mà bà Tuyết không liên quan đến số tiền này.

Quá hẹn như đã thỏa Tận, ông H, bà H không chịu trả tiền cho bà T mà luôn khất lần, lấy nhiều lý do để không trả nợ. Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc vợ chồng ông Hồ Sỹ H, bà Lưu T H phải trả cho bà T số tiền nợ gốc là 160.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 05/04/2021 đến nay là 27 tháng 24 ngày tương đương số tiền là (160.000.000đ x 10%/01 năm/ 12 tháng x 27 tháng) + (160.000.000đ x 10%/01 năm/ 12 tháng/ 30 ngày x 24 ngày) = 37.067.000đ, tổng cộng bà T yêu cầu vợ chồng ông H, bà H phải trả số tiền là 197.067.000đ.

Bị đơn bà Lưu T H trình bày: Bà và ông Hồ Sỹ H là vợ chồ,ng sinh sống tại tổ dân phố Thành Công, thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng hiện nay chưa ly hôn, hiện nay ông H bỏ đi đâu bà không rõ.

Vợ chồng bà và bà T là người cùng xóm. Trước khi chung sống với bà, ông H có vay 02 lần tiền của bà T, một lần vay số tiền là 430.000.000đ và một lần vay 150.000.000đ, tiền lãi 01 tuần là 20.000.000đ. Bà đã trả cho bà T hết khoản tiền này. Đối với giấy vay tiền ngày 04/01/2021 thì bà Lê Thị Phương T cho chồng bà là ông Hồ Sỹ H vay số tiền là 160.000.000đ, thời hạn vay 03 tháng có chữ ký của ông H thì bà không biết việc vay mượn này.

Nếu có khoản vay này thì đây là khoản vay riêng của ông H chứ bà không liên quan, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với ông Hồ Sỹ H đã được Tòa án tiến hành niêm yết các thủ tục hợp lệ: Niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên Tòa cùng với giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông H vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng ông H, bà T vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Phương T như trình bày trên**.**

Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, của Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463; Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T, xác định khoản nợ vay là do ông H vay của bà T không liên quan đến bà H; buộc ông H phải trả cho bà T số tiền nợ gốc là 160.000.000đ, tiền lãi là 32.137.600đ, tổng cộng là 192.137.600đ.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu bà H phải có trách nhiệm trả nợ cho bà T.

Về án phí: Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng số tiền phải trả cho bà T theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến tranh luận của đương sự, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, bị đơn ông H, bà H đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có ly do. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Theo yêu cầu khởi kiện bà T cho rằng, ông H, bà H có vay tiền của bà theo "Hợp đồng vay tiền" ngày 04/01/2021 nhưng không trả nợ theo đúng thỏa Tận nên phát sinh tranh chấp và bà khởi Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là: *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*. Vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] *Về nội dung tranh chấp*:

[3.1] Qua xem xét lời khai của đương sự, đối cH với tài liệu, chứng cứ do đương sự xuất trình, thấy rằng: Theo nguyên đơn cho rằng, vợ chồng ông H, bà H có vay của bà số tiền 160.000.000đ theo "Hợp đồng vay tiền" ngày 04/01/2021. Hai bên thỏa Tận thời hạn vay 03 tháng nhưng do đến hạn vợ chồng ông H, bà H không trả nợ theo thỏa Tận nên bà T khởi kiện. Qua xem xét chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện là giấy ghi "Hợp đồng vay tiền" ngày 04/01/2021 thì thể hiện bên cho vay có ghi tên bà Đặng Thị Bạch Tuyết nhưng bà T và bà Tuyết cùng xác định, do khi ghi giấy cho vợ chồng ông H, bà H vay tiền thì bà T có xin mẫu hợp đồng của bà Tuyết nên trên mẫu này có ghi sẵn tên bà Tuyết tại bên cho vay tiền mà thực chất khoản tiền là do bà T cho vay không liên quan đến bà Tuyết. Do vậy, Tòa án không đưa bà Tuyết vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Đối với bị đơn bà H cho rằng, khoản vay của bà T là do ông H tự vay mà bà không có liên quan, bà cũng không biết gì về khoản vay này nên trường hợp ông H có vay tiền của bà T thì ông phải tự có nghĩa vụ trả nợ cho bà T theo quy định; bà H không đồng ý trả khoản nợ vay này cho bà T. Qua xem xét thì thấy rằng "Hợp đồng vay tiền" thể hiện bên vay là "Hồ Sỹ H" và phần ký đại diện bên vay cũng thể hiện chữ ký ghi họ tên "Hồ Sỹ H". Theo kết luận giám định của Phòng kỹ Tật hình sự, Công an tỉnh Lâm Đồng xác định, chữ ký này đúng là do ông H tự ký và ghi tên "Hồ Sỹ H". Mặt khác, qua xác minh tại địa phương thì xác định, bản thân ông H là người ham chơi cờ bạc từ nhiều năm nay, gây ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Do chơi cờ bạc, nợ nhiều và có nhiều người đến đòi nợ nên người địa địa phương có biết đến. Như vậy, bà T cũng là người hàng xóm, sống gần gia đình ông H, bà H. Trường hợp ông H vay tiền để sử dụng vào mục đích gia đình

thì cần phải có sự thống nhất của vợ chồng khi giao kết hợp đồng. Tuy nhiên, việc bà T cho ông H vay tiền thì chỉ có ông H giao dịch với bà T mà bà H không biết. Bà H xác định khoản vay ông H không sử dụng vào mục đích gia đình và bà H không biết. Do vậy, cần xác định khoản vay ngày 04/01/2021 của bà T là do ông H tự vay riêng, không liên quan đến bà H nên cần buộc ông H phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ đã vay của bà T là 160.000.000đ là phù hợp.

[3.2] Đối với khoản tiền lãi của khoản vay 160.000.000đ qua xem xét thì nhận thấy: Theo "Hợp đồng vay tiền" ngày 04/01/2021 không thỏa Tận rõ tiền lãi vay, hai bên thỏa Tận thời hạn vay 03 tháng, đến ngày 04/4//2021 thì ông H phải trả nợ nhưng đến nay ông H vẫn chưa trả nợ vay cho bà T. Do vậy, bà T yêu cầu tiền lãi vay tính từ ngày 05/4/2021 đến nay theo quy định của pháp luật là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ Điều 357 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, cần buộc ông H phải trả cho bà T khoản lãi vay từ ngày 05/4/2021 đến nay là 27 tháng 24 ngày tương ứng số tiền là (160.000.000đ x 10%/01 năm/ 12 tháng x 27 tháng) + (160.000.000đ x 10%/01 năm/ 12 tháng/ 30 ngày x 24 ngày) = 37.067.000đ (Đã làm tròn số).

[4] *Về án phí:*

Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên cần buộc ông H phải chịu tiền án phí tương ứng nghĩa vụ trả nợ cho bà T là 197.067.000đ x 5% = 9.853.000đ (Đã làm tròn số).

[5] *Về chi phí tố tung:* Số tiền chi phí trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết theo yêu cầu của bà T là 5.000.000đồng. Do kết quả giám định xác định yêu cầu của bà T là có cơ sở nên buộc ông H phải chịu toàn bộ chi phí giám định theo quy định tại khoản 1 Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự. Toàn bộ số tiền này bà T đã nộp đủ và đã được quyết toán xong. Do vậy, buộc ông Hồ Sỹ H phải thanh toán lại toàn bộ số tiền chi phí trưng cầu giám định cho bà Lê Thị Phương T là 5.000.000đ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 161; Điều 203; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 357, Điều 463; Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Phương T đối với ông Hồ Sỹ H về việc: *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*.

Buộc ông Hồ Sỹ H phải trả cho bà Lê Thị Phương T số tiền nợ vay tổng cộng là 197.067.000đ *(Chín mươi bảy triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng),* trong đó số tiền gốc là 160.000.000đ và tiền lãi là 37.067.000đ.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Phương T về việc yêu cầu bà Lưu T H phải trả nợ cho bà bà Lê Thị Phương T.

2. *Về án phí*:

Buộc ông Hồ Sỹ H phải chịu 9.853.000đ *(Chín triệu tám trăm năm mươi ba nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Lê Thị Phương T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.630.000đ *(Bốn triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng)* theo biên lai T số 0003535 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

3. *Về chi phí tố tụng*: Buộc ông Hồ Sỹ H phải thanh toán lại cho bà Lê Thị Phương T 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)* chi phí trưng cầu giám định.

4. *Về nghĩa vụ thi hành án:*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp luật có quy định khác.

5. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/7/2023); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS nhân dân huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

Nguyễn Thế Anh

Các thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ Tọa Phiên Tòa**

Trần Thị H - Nguyễn Xuân Trường **Nguyễn Thế Anh**